TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2022/ DS-ST
Ngày 08/9/2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN, THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Lê Phương Thảo và ông Võ Phi Hùng.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Bùi Thị Huyền Trang, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Lê Văn Đông, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 11/5/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên toà số 158/2022/QĐST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 đường H, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Hồ Mộng T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: 41 đường H, phường P, thành phố H (Theo quyết định ủy quyền số 804/2019/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019);

- Ông Tống Hữu Nhân T, chức vụ: Chuyên viên phòng KH3 thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ; địa chỉ: 41 đường H, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế Huế (Theo quyết định ủy quyền số 0632/QĐ-BIDV.TTH ngày 12/7/2021), có mặt.

Bị đơn: Ông Đỗ Trần V, sinh năm 1968; địa chỉ ĐKTT: Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ: 64 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Bà Trương Thị Ngọc P, sinh năm 1987; địa chỉ: 64 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH T. Địa chỉ: 64A đường H, phường V, thành phố H. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Đỗ Trần V: Giám đốc công ty, vắng mặt.

2. Ông Đỗ Hữu M, sinh năm 1939; Bà Trần Thị S, sinh năm 1940 (bố mẹ của ông V). Cùng trú tại: Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Đỗ Thụy Tố T, sinh năm 1999 (con gái ông V). Địa chỉ: 64 đường H, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã ký các Hợp đồng tín dụng cho ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P vay tổng cộng số tiền 3.020.000.000 đồng gồm:

1. Hợp đồng tín dụng số 02/2016/4789347/HĐTD ngày 20/10/2016 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 01/2016), với số tiền vay: 1.000.000.000đồng. Lãi suất: 8,3%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất kỳ thứ 2 trở đi: Sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân, áp dụng lãi suất cho vay thoả thuận, lãi suất được thả nổi và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 240 tháng; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, mua sắm trang thiết bị; Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng từ tháng 11/2016 đến tháng 09/2036 với số tiền 4.150.000 đồng/tháng, ngày 20/10/2036, trả số tiền 8.150.000 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 03/2016/4789347/HĐTD ngày 31/12/2016 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 03/2016), với số tiền vay: 300.000.000đồng. Lãi suất: 8,3%/năm cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất kỳ thứ 2 trở đi: Sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân, áp dụng lãi suất cho vay thoả thuận, lãi suất được thả nổi và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 240 tháng; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, mua sắm trang thiết bị; Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng từ tháng 01/2017 đến tháng 11/2036 với số tiền 1.250.000 đồng/tháng.

3. Hợp đồng tín dụng số 02/2017/4789347/HĐTD ngày 13/12/2017 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 02/2017), với số tiền vay: 270.000.000đồng. Lãi suất kỳ thứ nhất: 11,1%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất kỳ thứ 2 trở đi: Sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, áp dụng lãi suất cho vay thoả thuận, lãi suất được thả nổi và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 240tháng; Mục đích vay: Sửa chữa nhà ở, mua sắm trang thiết bị; Phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng từ tháng 12/2017 đến tháng 11/2037 với số tiền 1.125.000 đồng/tháng.

4. Hợp đồng tín dụng số 01/2018/4789347/HĐTD ngày 28/9/2018 (sau đây viết tắt là hợp đồng tín dụng số 01/2018), với số tiền vay: 1.450.000.000đồng. Lãi suất kỳ thứ nhất: 10%/năm cố định trong 05 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất kỳ thứ 2 trở đi: Sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, áp dụng lãi suất cho vay thoả thuận, lãi suất được thả nổi và điều chỉnh định kỳ 06 tháng một lần; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thời hạn vay: 11 tháng; Ngày giải ngân: 28/9/2018, ngày đáo hạn: 28/8/2019. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh; Phương thức thanh toán: Nợ gốc được trả vào cuối kỳ là ngày 28/8/2019; nợ lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng bắt đầu từ từ ngày 25/10/2018.

BIDV đã thực hiện giải ngân cho ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P với tổng số tiền: 3.020.000.000đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Vũ, bà P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên số nợ vay còn thiếu đã bị chuyển nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn từ ngày 30/7/2019. Tính đến ngày 28/02/2021, ông Vũ, bà Phúc còn nợ BIDV tổng số tiền: 3.481.984.631 đồng (Ba tỷ bốn trăm tám mươi mốt triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng). Trong đó nợ gốc 2.829.450.000 đồng, tiền lãi trong hạn: 510.063.772 đồng, lãi quá hạn: 142.470.859 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P đã thế chấp các tài sản sau:

1. Xe ô tô biển số 75A-001.83 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 18/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH T;

2. Xe ô tô biển số 75K-0586 thuộc sở hữu của ông Đỗ TrầnV, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V;

3. Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 51, diện tích 52,8m^2 , toạ lạc tại 64 đường H, phường V, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC454367 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 13/10/2016 ông Đỗ Trần V, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V;

4. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 01, diện tích 1667m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R178770 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/7/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 23/3/2012, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V;

5. Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 01, diện tích 2089m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất số R823684 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10/5/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 30/01/2008, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V.

Các hợp đồng thế chấp nói trên đều đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện 4 Hợp đồng tín dụng trên, tính đến ngày 01/7/2019, ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P đã thanh toán nợ gốc và lãi của 4 Hợp đồng tín dụng với số tiền tổng cộng gồm 666.353.480 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 190.550.000 đồng, nợ lãi đã trả là 475.803.480 đồng. Sau đó ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc Phúc vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P phải trả số tiền nợ gốc là 2.829.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 943.513.120 đồng, nợ lãi quá hạn 246.302.136 đồng, tổng cộng là 4.019.265.257 đồng. Đồng thời yêu cầu ông V, bà P phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông V, bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên BIDV có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo gồm: Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 51, diện tích 52,8m^2 , toạ lạc tại 64 đường H, phường V, thành phố H; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 01, diện tích 1667m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã Và, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 01, diện tích 2089m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đều thuộc sở hữu của ông Đỗ Trần V; xe ô tô biển số 75K-0586 thuộc sở hữu của ông Đỗ TrầnV; xe ô tô biển số 75A-001.83 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 18/10/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017, để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2022, ngày 18/4/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hữu M, bà Trần Thị S (bố mẹ của ông Đỗ Trần V), đều trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Trần V và bà Trương Thị Ngọc P phải trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ông bà không có ý kiến gì. Đối với việc xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 01, diện tích 2089m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế thì do trên đất có căn nhà dùng để thờ tự nên ông bà đề nghị khi xử lý tài sản thì giữ lại căn nhà cho ông bà có nơi thờ tự tổ tiên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2022, người làm chứng là chị Đỗ Thụy Tố T (con gái của ông Đỗ Trần V),trình bày: Hiện chị đang ở trên nhà và đất tọa lạc tại 64 đường H, phường V, thành phố H. Đây là nhà của ông Đỗ Trần V, chị không có công sức đóng góp gì đối với nhà đất này. Ông V đã bỏ đi vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nhưng chị không biết địa chỉ cụ thể. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P, công ty TNHH T không đến Toà án để tham gia các hoạt động tố tụng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được bảo đảm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ: Buộc ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ tính đến ngày 08/9/2022 là 4.019.265.257 đồng (trong đó tiền nợ gốc là 2.829.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 943.513.120 đồng, nợ lãi quá hạn 246.302.136 đồng).

- Trường hợp ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng thế chấp đã ký. Về án phí: ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đkhởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P, có địa chỉ tại: 64 đường H, phường V, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Theo quy định tại khoản 3 Điều 29, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập đối với ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P nhưng các đương sự này không đến làm việc. Tại các biên bản xác minh ngày 02/7/2021, 04/3/2022 thể hiện ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P đã bỏ đi, không có mặt tại nơi cư trú; Tại địa chỉ 417/163/5

đường H, phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, là địa chỉ của bị đơn do BIDV cung cấp (theo bì thư ông V gửi cho BIDV), xác minh tại Công an phường T thể hiện chưa có địa chỉ này; ông V và bà P cũng không có thông báo nơi cư trú mới cho BIDV theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên trường hợp này được xem cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ và căn cứ và các tài liệu chứng cứ thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hữu M, bà Trần Thị S (bố mẹ của ông V) và người làm chứng là chị Đỗ Thụy Tố T (con gái ông V) vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu đòi nợ của BIDV, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các Hợp đồng tín dụng số 02/2016, Hợp đồng tín dụng số 03/2016, Hợp đồng tín dụng số 02/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018 thì BIDV đã cho ông Vũ và bà Phúc vay với tổng số tiền là 3.020.000.000đồng. Nội dung các hợp đồng này là phù hợp với quy định pháp luật và có hiệu lực. Sau khi vay, ông Vũ và bà Phúc chỉ trả được tổng cộng 666.353.480 đồng, trong đó nợ gốc đã trả là 190.550.000 đồng, nợ lãi đã trả là 475.803.480 đồng. Tính đến ngày 08/9/2022, ông Vũ và bà Phúc còn nợ BIDV số tiền gốc 2.829.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 931.129.496 đồng, nợ lãi quá hạn 242.505.775 đồng, tổng cộng là 4.003.085.271 đồng, cụ thể:

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 02/2016 là 867.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 287.775.814 đồng, nợ lãi quá hạn là 12.280.086 đồng. Tổng cộng là 1.167.255.901đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 03/2016 là 262.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 87.931.792 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.707.372 đồng. Tổng cộng là 354.139.163 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 02/2017 là 249.750.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 82.821.206 đồng, nợ lãi quá hạn là 3.311.673 đồng. Tổng cộng là 335.882.879 đồng.

- Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 01/2018 là 1.450.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 472.600.684 đồng, nợ lãi quá hạn là 223.206.644 đồng. Tổng cộng là 2.145.807.328 đồng.

Trong 4 hợp đồng vay trên, đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2018 có thời hạn vay là 11 tháng, tính đến thời điểm khởi kiện ngày 10/3/2021 là quá hạn thanh toán; các hợp đồng còn lại đều chưa đến thời hạn trả nợ, tuy nhiên căn cứ vào Điều

9 của các hợp đồng có quy định: *" Bên vay được coi là vi phạm hợp đồng tín dụng trong các trường hợp sau: a) Bên vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi, phí và các nghĩ vụ khác phát sinh từ Hợp đồng tín dụng cũng như các văn bản, thỏa thuận ký kết với Ngân hàng*". Do đó BIDV có quyền khởi kiện các khoản nợ này. Như vậy, ông V bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và thỏa thuận của các bên tại điểm 2 Điều 4 của các Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của BIDV, buộc ông Vũ bà Phúc phải thanh toán số tiền còn nợ nói trên cho BIDV tổng cộng là 4.003.085.271 đồng, trong đó: Tiền gốc 2.829.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 931.129.496 đồng, nợ lãi quá hạn 242.505.775 đồng.

Do đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc ông Vũ bà Phúc tiếp tục trả lãi, lãi phát sinh trên số tiền nợ còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 18/10/2016, Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017, được ký kết giữa BIDV và ông Đỗ Trần V, công ty TNHH T (do ông Đỗ Trần V làm người đại diện theo pháp luật) nhằm đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông V bà P là hoàn toàn tự nguyện, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo phù hợp pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Theo cam kết của các hợp đồng thế chấp thì nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với BIDV. Do đó, trong trường hợp ông V bà P không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền trên, thì BIDV có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 51, diện tích 52,8m^2 , toạ lạc tại 64 đường H, phường V, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC454367 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 13/10/2016 ông Đỗ Trần Vũ; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 01, diện tích 1667m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R178770 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/7/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 23/3/2012; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 01, diện tích 2089m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R823684 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10/5/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 30/01/2008; xe ô tô biển số 75K-0586 thuộc sở hữu của ông Đỗ TrầnV; xe ô tô biển số 75A-001.83 thuộc sở hữu của Công ty TNHH T, để thu hồi nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì ông V bà P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

[2.4] Đối với ý kiến của ông M và bà S về việc có yêu cầu để lại căn nhà tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế để làm nhà thờ. Nhận thấy đây chỉ là ý kiến của ông Mạnh và bà Sa mà ông bà không có yêu cầu độc lập trong vụ án, không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh là mình có quyền hoặc liên quan đến tài sản này, nên không có sở xem xét.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định và đã nộp đủ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Trần V bà Trương Thị Ngọc P phải chịu án phí sơ thẩm gồm: 112.003.085 đồng [112.000.000 đồng + (4.003.085.271 đồng – 4.000.000.000 đồng) x 0.1%) = 112.003.085 đồng].

- BIDV không phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 282, Điều 299, Điều 317, Điều 323, Điều 351, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 .

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

Buộc ông Đỗ Trần V bà Trương Thị Ngọc P phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền gồm là 4.003.085.271 đồng, trong đó: nợ gốc 2.829.450.000 đồng, nợ lãi trong hạn 931.129.496 đồng, nợ lãi quá hạn 242.505.775đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đỗ Trần V, bà Trương Thị Ngọc P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trong trường hợp ông Đỗ Trần V bà Trương Thị Ngọc P không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp gồm:

- Xe ô tô con 07 chỗ ngồi; hiệu Chevrolet Captiva ; số máy: Z20S1-393987K; số khung: RDAH-995649; màu sơn: đen; biển kiểm soát 75A-001.83; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003320 do Phòng CSGT tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày

26/01/2011; thuộc sở hữu của Công ty TNHH Tân Đại Hưng, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 18/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với Công ty TNHH T; Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 21/10/2016.

- Xe ô tô con 05 chỗ ngồi; hiệu Toyota ; số máy: 1ZZ-1315529; số khung: E122-7502637; màu sơn: đen; biển kiểm soát 75K-0586; giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0003769 do Phòng CSGT tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 12/01/2008; đăng ký lần đầu ngày 18/3/2003; thuộc sở hữu của ông Đỗ TrầnVũ, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V; Đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Đà Nẵng ngày 21/10/2016

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất số 63, tờ bản đồ 51, diện tích 52,8m^2 , toạ lạc tại 64 đường H, phường V, thành phố H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CC454367 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 13/10/2016 ông Đỗ Trần Vũ, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần Vũ;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 100, tờ bản đồ 01, diện tích 1667m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R178770 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/7/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 23/3/2012, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V;

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 108, tờ bản đồ 01, diện tích 2089m^2 , toạ lạc tại Thôn 5, xã V, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R823684 do UBND huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10/5/2002, chuyển quyền sử dụng cuối cùng cho ông Đỗ Trần V ngày 30/01/2008, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản 01/2016/4789347/HĐBĐ ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/HĐSĐ ngày 29/12/2016 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/HĐSĐ ngày 12/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Đỗ Trần V.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không thanh toán hết khoản nợ trên thì ông Đỗ Trần V bà Trương Thị Ngọc P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định. Nguyên đơn đã nộp đủ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đỗ Trần V bà Trương Thị Ngọc P phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm gồm 112.003.085 đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ không phải chịu án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 50.819.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002482 ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế